

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 101/XNK-TCKT
(V/v giải trình lợi nhuận quý 1/2021 giảm so
với quý 1/2020)

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.**

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế TNDN quý 1/2021 giảm so với quý 1/2020 là do nguyên nhân chủ yếu như sau:

1. BCTC riêng:

Từ quý 4 năm 2020, thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, Angimex đã thành lập hai công ty con là Công ty TNHH Lương Thực Angimex và Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Angimex và chuyển hoạt động kinh doanh lương thực, xe gắn máy và phụ tùng về hai Công ty con. Điều này đã làm doanh thu, lợi nhuận sau thuế và các chỉ tiêu khác trên BCTC riêng của Angimex quý 1/2021 giảm so với quý 1/2020. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 42,82%, giá vốn hàng bán giảm 39,27% đã làm lợi nhuận gộp giảm 83,66%. Đây là nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 2.895 triệu đồng, giảm 70,26% so với cùng kỳ.

2. BCTC hợp nhất:

Dưới tác động kéo dài của dịch bệnh Covid 19 làm thu nhập của người dân giảm sút, hoạt động Logistics vẫn tiếp tục căng thẳng đã ảnh hưởng đến một số mảng kinh doanh của Công ty, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu gạo.

Do các nguyên nhân kể trên nên báo cáo hợp nhất của Công ty cũng ảnh hưởng tương tự. Cụ thể, doanh thu thuần giảm 21,32%, lợi nhuận gộp giảm 15,91% đã làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 498 triệu đồng, giảm 16,14% so với cùng kỳ.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	BCTC riêng				BCTC hợp nhất			
	Q1/2021	Q1/2020	Chênh lệch	%	Q1/2021	Q1/2020	Chênh lệch	%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	266.602	466.221	(199.619)	(42,82)	371.468	472.109	(100.642)	(21,32)
Giá vốn hàng bán	260.521	428.999	(168.478)	(39,27)	339.143	433.668	(94.525)	(21,80)
Lợi nhuận gộp	6.081	37.222	(31.141)	(83,66)	32.324	38.441	(6.116)	(15,91)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.440	1.861	(420)	(22,60)	1.515	1.861	(346)	(18,59)
Chi phí tài chính	1.877	3.843	(1.966)	(51,15)	2.166	3.902	(1.736)	(44,49)
Trong đó: lãi vay	1.737	3.441	(1.704)	(49,52)	1.951	3.500	(1.548)	(44,24)
Chi phí bán hàng	1.149	27.467	(26.318)	(95,82)	22.651	28.519	(5.868)	(20,58)
Chi phí quản lý DN	2.994	3.636	(642)	(17,65)	5.481	4.820	660	13,70
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.500	4.136	(2.636)	(63,73)	3.541	3.060	481	15,74
Lợi nhuận khác	33	892	(858)	(96,25)	460	933	(473)	(50,72)
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.534	5.028	(3.494)	(69,50)	4.001	3.993	8	0,20
Thuế TNDN hiện hành	308	907	(599)	(66,03)	1.413	907	506	55,80
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.226	4.121	(2.895)	(70,26)	2.588	3.086	(498)	(16,14)

Kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN HOÀNG AN